

# Lăng Nhân

## Nữ Sĩ Song Thu

Khuê danh Phạm Thị Xuân Chi, tự Hữu Lan, bút hiệu Song Thu, bà vốn người làng Đông Phồn, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam, Trung Việt. Sinh năm 1899, thân phụ là Phạm Phú Lâm, tổ phụ là Phạm Phú Thứ, thượng thư dưới triều Tự Đức; cháu gọi bà bằng cô ruột là đại úy phi công Phạm Phú Quốc, tử nạn trong một phi vụ đánh cộng sản năm 1965.

Võ lòng học chữ nho, đến 13 bà theo chương trình Pháp Việt, bải khóa theo phong trào quốc gia, rồi tiếp tục chữ nho dưới sự dìu dắt của hai thầy Lê Bá Trình và Trương Hữu là những người ái quốc nóng lòng chống ngoại xâm. Hai ông hun đúc cho bà khuynh hướng cách mạng ngay từ lúc tuổi còn thơ.

Năm 19 tuổi, bà đứng ra làm con thoi đi về giữa khoảng Trung và Bắc, để thông tin và phổ biến những tài liệu quốc sự nhận được từ ngoại quốc.

Khi biết mình bị mật vụ để ý, bà tránh sang Cao Miên và Ai Lao, sau lại lò dò về Hà Nội Ở đây nương náu ít lâu thấy không ổn, bà đáp xe lửa lên Vân Nam.

Cũng lại gặp khó khăn, bà tìm đường xuống Nam Vang và bị đưa về Sài Gòn, giam cầm và tra tấn. Ít lâu sau được trả tự do Qua mấy lần như thế mà bà vẫn không đổi chí, có bài thơ:

### Tự Trào

Ta nghĩ khen ta cũng có tài  
Hai bàn tay trắng kém gì ai!  
Gặp cơn nguy biến không hề sợ.  
Phải bước phong ba chẳng chút nài  
Tiền của tiêu pha vừa bữa một  
Cháo cơm lếu láo đủ ngày hai  
Phong trần dù đến bao nhiêu nữa  
Son sắt lòng này há dễ phai!

Khi phải bỏ nhà đi trốn tụi mật vụ, bà ngâm ngợi:

### Lìa cảnh cũ

Một bước ra đi, một bước ngừng  
Đoái nhìn chốn cũ lệ rung rung  
Nghiêng bầu tâm sự, nghiêng không cạn  
Gạt giọt ly sầu, gạt khó ngưng  
Non nước thương ai màu ử dột  
Cỏ hoa mên khách vẽ bằng khuâng  
Cho hay cảnh cũng trên người nhi?  
Gánh nợ trần ai nặng quá chừng?

Vì bà thông thạo chữ Hán lại có thành tích chống Pháp nên khi quân đội Nhật tới miền Nam, tướng Tùng Tinh cho mời hợp tác trong bộ tham mưu Bà ngại ngừng, nhưng rồi ưng thuận vì thấy có cơ hội giúp những đồng chí bị Pháp giam giữ.

Quả nhiên bà cứu được cả trăm người Có điểm đặc biệt là bà từ chối, không nhận lương của Nhật, chỉ bằng lòng dọn đến ở một căn nhà tiện nghi hơn nhà cũ mà thôi Bà phân trần:

- Hợp tác với Nhật vì Nhật đã giúp Việt Nam ta lấy lại tự do và độc lập, chứ đâu phải là đi làm mướn, lương lậu làm gì cho nhẹ thể quốc gia!

Đến ngày Nhật thua, trước khi rời Việt nam nhân viên bộ tham mưu mời bà dự bữa tiệc từ biệt. Văn tiệc viên chỉ huy trình trọng nói:

- Những đồ đạc trong nhà này cùng tiền bạc trong tủ sắt kia, chúng tôi xin tặng lại lão nữ sĩ. Cả súng nữa để đề phòng...

Bà cảm động, nhưng cương quyết:

- Tôi đến đây là vì đại nghĩa, chứ không vì tư lợi, chắc quý vị đã biết. Vậy tôi xin chân thành tạ ơn quyền cố chứ không dám nhận lãnh gì hết...

- Nếu bà không nhận, chúng tôi sẽ cho đốt hết.

- Tùy nơi quý vị!

Họ nhìn nhau, kinh ngạc. Sau, một người lấy cái xác của bà, nhét đầy trong đó giấy bạc 500 và một cái súng nhỏ, mang ra xe, mời bà lên để chở về nhà. Khi đến nơi, khóa cửa lại, người Nhật để xác lên bàn, ôn tồn nói:

- Thời loạn, bà ơi! Nên đề phòng bắt trắc!

Nói rồi quảy quả ra đi Bà tần ngần một lúc sau sai người gọi một thanh niên quen thuộc đến để trao tặng khẩu súng, còn thì thu xếp nhà cửa để tản cư về Bình An. Cả trăm người tản cư một đường với bà, được bà chu cấp cho đầy đủ, nhờ số tiền của Nhật. Số tiền này còn giúp bà thoát hiểm: từ Sài Gòn về Bình An phải qua nhiều trạm, nào Lao Động, nào Đông Dương, nào Cứu Quốc, trạm nào cũng hạch giấy phép của Ủy ban Nhân dân, bà chỉ việc lấy ra ở mỗi trạm dăm tờ và nói:

- Đây, anh bỏ vào quỹ Cứu Quốc dùm tôi, gọi là chút đóng góp của một phụ nữ vô danh.

Thế là được khoát tay cho đi tức thì? Nhưng đến khi tình thế tạm yên bà trở lại Sài Gòn thì mớ giấy 500 đã bay hết, bà tránh niềm cảm cực trong một thiên luật Đường:

Xưa kia hoa quả nở đầy vườn  
Giờ trở về đây hóa ruộng nương  
Ngọn núi trông theo người viễn khách  
Dòng sông trôi mãi bóng tà dương  
Lâu dài năm ấy, kia hoang thô?  
Miếu vũ hôm nay, nọ chiến trường  
Ngừng bước nhìn xem phong cảnh cũ  
Mộng hồn ngơ ngẩn cuộc tang thương...

oOo

Thêm vào sự thấy biết sâu sắc, bà còn có tài miễn tiện "bảy bước thành thơ" như Tào Thục khi xưa.

Một hôm đến thăm bà bạn mới ở Sóc Trăng về, bằng máy bay, nhân cử tọa đông văn nhân nam nữ và chủ nhân tả lại cảm tưởng ngồi phi cơ, nhìn xuống đồng ruộng chen nhau như các màu trên áo cà sa, lùm cây tròn như hạt châu, bà ứng khẩu ngay tám câu:

Đất bằng chốc đã lên mây  
Tu luyện ngàn năm cũng thế này  
Mảnh áo cà sa trăm khoảnh đất  
Tràng châu An Lạc mấy vòm cây  
Giang hồ lang miếu lưng trông góp  
Vũ trụ kiên khôn một túi đầy  
Dòm xuống chúng sanh còn lặn hụp  
Lòng ta đâu nở lại phương Tây!

Thơ vừa nhất khí, lại đượm mùi đạo vị, không dành về phương Tây với Phật, còn muốn làm bồ tát cứu chúng sinh, thêm vào đó ý niệm chính trị chống Pháp. Tám câu lưu loát như chơi mà thật bao hàm...

Tài miễn tiện của bà nhiều người còn thán phục qua câu chuyện vui sau đây trong làng ký giả hồi 1930:

Năm ấy kinh tế bắt đầu khủng hoảng, bà cùng một ký giả và một giáo sư lâm cảnh khan tiền tiêu Tết, rủ nhau ra chợ Bến Thành viết câu đối thuê Một bàn bày ra giấy đỏ mực tàu, bà ngồi ghế giữa, hai ông hai đầu cầm sẵn bút đại tự chờ viết.

Chợt có ba người nói tiếng Bắc đi dạo xem Tết, dừng lại xin câu đối Hai ông nhìn nhau chưa biết viết câu nào hợp cảnh thì bà đọc ngay:

Hội bằng hữu ư xuân viên  
Tự cố hương chi lạc sự (1)

Ba người vỗ tay khen:

- Hay quá, hợp thời hợp cảnh, xin viết ngay đi..

Nghe tiếng cười vui, nhiều người dừng lại coi, một ông già quần áo đen, khăn rằn, ngỏ lời xin một câu, nếu hay sẽ tặng 10 đồng. Bà lại đọc luôn:

Sơn hà phong cảnh nguyên vô di.  
Thành quách nhân dân bán dĩ phi (2)

Rồi tự tay bà viết, nét thật bay bướm. Rõ là một tay "bút pháp đã tinh" nổi tiếng ở Sài thành. Chúng tôi từng có dịp nhờ đến hoa tay của nữ sĩ: khi nhà in áp dụng phương pháp in màu khá thành công, nữ sĩ đã "tay tiên một vẩy" viết đôi câu đối:

Muôn vẽ như in tờ giấy trắng  
Ngàn năm còn mãi cái xuân xanh (3)

Treo ở văn phòng, được nhiều người khen "mặn mà nét bút càng nhìn càng tươi"

Sau quãng đời bôn ba làm cách mạng và giúp Nhật chống Pháp, rồi khi gặp biến huy hoặc tiền tài cho vẹn tình người, nữ sĩ vui cảnh thanh bần với con gái là Nguyễn Thị Thu Hường bút danh Phương Đài, và con nuôi là Phạm Xuân Hoàng. Tuy đã vào bậc cô? hi, nữ sĩ yếu ớt gầy còm nhưng tiếng nói vẫn sang sảng, lời thơ vẫn vương lòng trầm ẩn như trong bài chữ Hán:

Xuân Cầm

Ba đào cồn cồn chán nhân hoàn  
Xuân sắc tiêu điều bất nhẫn khan  
Giáp mã tung hoành phao đại địa  
Yên vân già tẻ biến không gian  
Bình nguyên mạn thảo oanh khô cốt  
Cự uyển danh hoa thất cự nhan  
Thành bại bách niên liêu nhĩ nhĩ  
Huyết hòa lưu thủy hưởng sần sần

mà bà tự dịch ra quốc âm:

Ai gây sóng gió suốt nhân hoàn  
Cho cảnh ngày xuân kém vẻ vang?  
Yên giáp nghênh ngang phôi đại địa  
Khói mây mờ mịt phủ không gian  
Cỏ hoang đồng ruộng bao xương trắng  
Hoa đẹp vườn xưa lợp nhụy vàng  
Thành bại trăm năm rồi cũng thế  
Dòng sông cuộn cuộn máu hòa chan...

Chúng tôi thắc mắc về nguyên ủy nữ sĩ Phương Đài, thì được một người có liên hệ với gia đình này, cho hay: thời kỳ bà Song Thu bị mật vụ Pháp theo dõi gắt gao, một đồng chí đưa bà đến tá túc nơi ông Nguyễn Viết Liêm, tri huyện ở một huyện trong tỉnh Mỹ Tho. Ông này tuy làm quan nhưng là người có tâm huyết lại văn nhã phong lưu nên sẵn lòng để bà mai danh ẩn tích ngay trong huyện lỵ.

Thế rồi lễ hằng thanh khí, "tài tử với giai nhân là nợ sẵn", một dây một buộc dẫn cô Thu Hường ra chào đời. Nhưng hai bên không kết thành một đôi, vì bà huyện ghen tức đến uất

nghe mà lia trần. Do đó nữ sĩ ở lại cũng không đành, bé con đi để tránh miệng tiếng, nhất là cho ông huyện, mặc cho ông này hết lời cầu bà nán lại. Và cũng do đó, chúng tôi phỏng đoán

ý nghĩa hai chữ Song Thu (màu thu bên cửa sổ):

Phải chăng hai chữ bắt đầu mấy câu Kiều:

Song thu đã khép cánh ngoài  
Tai còn đồng vọng mấy lời sắt định  
Nghĩ người, thôi lại nghĩ mình  
Cám lòng chua xót, lại tình bơ vơ..

Lần lửa nắng mưa, canh chầy lưỡng lự, cuối cùng nữ sĩ đã rời Sài thành, dứt áo ra đi, vào năm 1971, thọ 73 tuổi.

Chú thích:

(1) - thoát ở câu "Hội đào lý chi phương viên, Tự thiên luân chi lạc sự" của Lý Bạch trong bài "Xuân dạ yến đào lý viên tự" nhưng đây là "Hợp bạn bè nơi vườn xuân, nói chuyện vui về quê cũ"

(2) " thoát từ bài "Tòng Tây chinh" của Nguyễn Bình Khiêm: "Lão độn trùng thử loạn ly, dự tham nhung quách nhân dân dị tích thì"

(Già đàn độn gặp thời loạn lạc, Gắng theo quân bàn bạc mưu cơ, Nhân dân thành quách khác xưa, Núi sông phong cảnh vẫn như độ nào..)

(3) " thoát từ bài thơ "Vịnh bức tranh tố nữ" của Hồ Xuân Hương " hai chữ "Đôi lứa" đổi ra "muôn vẻ" cho hợp cảnh.